

Số: /KH-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH
Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC);

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

Căn cứ Văn bản số 1584/KH-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

UBND huyện Tuần Giáo xây dựng Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện với những nội dung sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PCGD, XMC GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung

Tuần Giáo là huyện cửa ngõ phía Đông của tỉnh Điện Biên, tổng diện tích tự nhiên trên 113.000 ha. Dân số trên 89.000 người với 14 dân tộc cùng sinh sống, trong đó 90% là người dân tộc thiểu số. Huyện có 19 xã, thị trấn với 177 khối, bản; trong đó, 18 xã thuộc khu vực đặc biệt khó khăn chiếm 94,7%. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 33,16%, hộ cận nghèo 16,44%.

Nhân dân các dân tộc có truyền thống cách mạng, lao động cần cù, có tinh thần đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của huyện đã có sự phát triển khá, đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện từng bước được cải thiện và nâng cao.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp GD&ĐT của huyện có những bước phát triển vững chắc. Hàng năm số học sinh tăng; quy mô trường, lớp dần được bố trí theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm; các mục tiêu về phát triển GD&ĐT đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối kết hợp của Sở GD&ĐT và các ban, ngành chức năng của tỉnh; sự đồng thuận của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện. Các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục được các tầng lớp nhân dân nhận thức ngày càng sâu rộng. Mạng lưới giáo dục được mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục phát triển hoàn thiện, đa dạng, thống nhất.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được quan tâm đầu tư xây dựng, các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học được bổ sung tương đối kịp thời. Các chế độ chính sách cho viên chức quản lý, giáo viên và học sinh được chi trả kịp thời, đầy đủ.

Phòng GD&ĐT, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo PCGD, XMC huyện đã tích cực, chủ động tham mưu các giải pháp chỉ đạo trong công tác phát triển giáo dục phù hợp với địa phương. Đội ngũ nhà giáo tiếp tục được đào tạo nâng cao trình độ, tham gia tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Địa bàn dân cư rộng, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 33,16%, hộ cận nghèo 16,44%. Trình độ dân trí không đồng đều, đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới công tác giáo dục đặc biệt là công tác PCGD THCS. Học sinh cấp THCS, THPT vừa đi học, vừa tham gia lao động, nhiều học sinh là lao động chính trong gia đình.

Nhận thức của một bộ phận nhân dân các dân tộc vùng cao về công tác giáo dục còn hạn chế, tình trạng tảo hôn, di cư tự do cũng ảnh hưởng đến công tác huy động và duy trì số lượng học sinh.

Đội ngũ giáo viên còn thiếu so với định mức, tập trung chủ yếu ở cấp học Mầm non và giáo viên một số môn chuyên.

Một số xã vùng sâu, vùng xa (xã Mường Khong, Pú Xi, Phình Sáng) chất lượng đường truyền Internet thấp, ảnh hưởng nhiều đến tiến độ nhập liệu phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PCGD, XMC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chỉ thị số 21-CT/HU ngày 13/12/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác PCGD, XMC và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

Các Văn bản UBND huyện đã ban hành: Văn bản số 1217/KH-UBND ngày 11/11/2016 về việc ban hành kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC

cấp huyện giai đoạn 2016 - 2020, phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội; Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 9/4/2018 kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/HU ngày 13/12/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy; Văn bản số 1551/UBND-GDĐT ngày 03/10/2019 của UBND huyện Tuần Giáo về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển GD&ĐT theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII nhiệm kỳ 2015-2020; Văn bản số 455/BCĐPCGD, XMC ngày 23/4/2020 của Ban chỉ đạo PCGD, XMC về tập trung hoàn thiện nhiệm vụ PCGD, XMC năm 2020; Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch huy động học sinh theo từng năm học.

Phòng GD&ĐT cơ quan thường trực Ban chỉ đạo PCGD, XMC huyện chủ trì tham mưu với Huyện ủy, HĐND - UBND huyện ban hành các văn bản quản lý nhà nước về GD&ĐT; chịu trách nhiệm quản lý và triển khai thực hiện kế hoạch PCGD, XMC của huyện, hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, định kỳ tổng hợp báo cáo theo quy định. Chủ động phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC triển khai thực hiện mục tiêu phát triển GD&ĐT nói chung và nhiệm vụ PCGD, XMC nói riêng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Tập trung các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm giảm học sinh lưu ban, bỏ học, đi học không chuyên cần, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Các Phòng, Ban là thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện theo chức năng nhiệm vụ tích cực tham mưu với UBND huyện, phối hợp với Phòng GD&ĐT: tổng hợp kế hoạch, cân đối các nguồn vốn, rà soát bổ sung quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trường học, thực hiện quyết toán các nguồn vốn đầu tư, tuyển dụng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện chỉ đạo các cơ quan theo phân cấp quản lý tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, tập hợp lực lượng phát động phong trào toàn dân thực hiện công tác xã hội hóa, vận động thanh, thiếu niên, người mù chữ trong độ tuổi đến lớp và đi học chuyên cần; đưa nội dung PCGD, XMC vào chương trình hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch PCGD, XMC, kiểm tra công nhận đạt chuẩn, duy trì đạt chuẩn PCGD, XMC và đề nghị UBND huyện công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn, duy trì đạt chuẩn. Việc kiểm tra công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn PCGD, XMC được thực hiện đảm bảo theo quy định.

2. Kết quả thực hiện PCGD, XMC giai đoạn 2016-2020

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, HĐND - UBND huyện trong những năm qua công tác PCGD, XMC của huyện luôn được củng cố duy trì và nâng cao các tiêu chí, hàng năm đều duy trì bền vững phổ cập các cấp học. UBND huyện đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn trong công tác PCGD, XMC để hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch phát triển GD&ĐT theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần

thứ XXII nhiệm kỳ 2015-2020. Trong giai đoạn 2016 - 2020 công tác PCGD, XMC của huyện đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể tính đến tháng 12/2020:

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non

- Về quy mô trường, lớp/nhóm lớp, trẻ em/học sinh: Có 24 trường, 312 nhóm/lớp và 01 nhóm trẻ tư thục với 8.210 trẻ (có 45 trẻ khuyết tật học hòa nhập), trong đó có 90 nhóm trẻ với 2.263 trẻ (4 trẻ khuyết tật học hòa nhập); 222 lớp mẫu giáo với 5.947 trẻ (41 trẻ khuyết tật học hòa nhập); riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi là 119 lớp với 2.050 trẻ (23 trẻ khuyết tật học hòa nhập); tỉ lệ huy động trẻ ra lớp trên tổng số trẻ phải phổ cập: nhà trẻ đạt 51,3%, mẫu giáo đạt 100%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%.

- Về đội ngũ: Tổng số 692 người (73 viên chức quản lý, 458 giáo viên, 161 nhân viên), và 03 người tại nhóm trẻ tư thục (01 chủ nhóm kiêm giáo viên, 01 giáo viên, 01 nhân viên). Trong đó: Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn 97,5% (còn 11 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật giáo dục năm 2019). Tổng số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi: 186 người, tỷ lệ đạt 1,56 giáo viên/lớp (đảm bảo so với quy định). 100% giáo viên được hưởng đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Về cơ sở vật chất: Tổng số 312 phòng (đầu tư mới 10 phòng), trong đó: 270 phòng kiên cố đạt 86,54%, 42 phòng bán kiên cố đạt 13,46%; 01 phòng học kiên cố tại nhóm trẻ tư thục. Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi có 119 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), tỉ lệ 1 phòng học/lớp (trong đó: 89 phòng kiên cố, tỉ lệ 74,78%; 30 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 25,22%). Diện tích bình quân phòng sinh hoạt chung đối với phòng kiên cố là 52,13m²/phòng, đối với phòng bán kiên cố là 31m²/phòng. 119/119 phòng đảm bảo điều kiện về ánh sáng, ấm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có sân chơi xanh, sạch, đẹp: 108/108 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có đủ nước sạch sử dụng và hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, an toàn: 120/120 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ) có đủ công trình vệ sinh, đảm bảo sử dụng thuận tiện và đảm bảo vệ sinh: 120/120 điểm trường. Số lớp 5 tuổi có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định 119/119 lớp. Tổng số sân chơi có đồ chơi được sử dụng thường xuyên: 125/125 sân. 24/24 trường đều có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, nhà bếp, công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu.

- Kết quả: 19/19 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non trẻ 5 tuổi. Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non trẻ 5 tuổi.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Về quy mô trường, lớp, học sinh: Toàn huyện có 23 trường, 403 lớp với 10.292 học sinh; huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 2.080/2.080, đạt 100%; huy động trẻ từ 6 đến 10 tuổi ra lớp 9.875/9.875, đạt 100%.

- Về đội ngũ: Tổng số 781 người (64 viên chức quản lý, 589 giáo viên, 22 tổng phụ trách Đội, 106 nhân viên); tỉ lệ 1,46 giáo viên/lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Về cơ sở vật chất: Có 434 phòng học. Trong đó 358 phòng học kiên cố, tỉ lệ 82,5%, 76 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 17,5%. Các trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, có sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp. Môi trường trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện.

- Kết quả: Số trẻ 6 tuổi đi học lớp 1: 2.080/2.080, tỉ lệ 100%; Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 1.760/1.771, tỉ lệ 99,38% (11 học sinh còn lại đang học ở tiểu học); Số xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3: 19/19, tỉ lệ 100%; Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

2.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Về quy mô trường, lớp, học sinh: Toàn huyện hiện có 17 trường cấp THCS (03 trường TH&THCS), với 199 lớp trong đó có 18 lớp tại trường THCS&THPT Quài Tở, 20 lớp tại các trường TH&THCS, 6.780 học sinh, tăng 224 học sinh, giảm 01 lớp so với năm học 2019-2020; có 04 trường THPT (01 trường THCS&THPT) có 58 lớp với 2.268 học sinh.

- Về đội ngũ: Cấp THCS tổng số 498 người (38 viên chức quản lý, 385 giáo viên, 75 nhân viên) tỉ lệ 1,9 giáo viên/lớp; cấp THPT tổng số 180 người (12 viên chức quản lý, 134 giáo viên, 34 nhân viên); tỉ lệ 2,31 giáo viên/lớp.

- Về cơ sở vật chất: Cấp THCS có 145 phòng học, trong đó 135 phòng học kiên cố, tỉ lệ 93,1%, 10 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 6,9%; Cấp THPT có 86 phòng học, trong đó kiên cố 86 phòng, tỉ lệ 100%. Các trường đều có thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm; có sân chơi và bãi tập, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

- Kết quả: Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6: 1.757/1.771, tỉ lệ 99,2%; Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 TN THCS (2 hệ): 4.536/4.716; tỉ lệ 96,18%; Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT và tương đương là 72,69%; Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1: 19/19, tỉ lệ 100%; Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2: 19/19, tỉ lệ 100%; Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3: 17/19, tỉ lệ 89,47%; Huyện duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

2.4. Xóa mù chữ

- Các trường tiểu học tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ có đủ cơ sở

vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ. Đội ngũ giáo viên tham gia công tác xóa mù chữ có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng phương pháp dạy xóa mù chữ gắn với phát triển cộng đồng, bồi dưỡng theo Chương trình GDPT 2018.

- Kết quả: Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 54.092/56.911 tỉ lệ 95%; số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 33.576/33977 tỉ lệ 98,8%; số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 45.358/56.911 tỉ lệ 79,7%; Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 32.445/33.977 tỉ lệ 95,5%; 19/19 xã duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2, tỉ lệ 100%; Huyện duy trì đạt chuẩn XMC mức độ 2.

3. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

a) Những hạn chế, yếu kém

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số xã vùng đặc biệt khó khăn chưa thực sự sâu sát và thường xuyên; sự phối hợp của một số thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã hiệu quả chưa cao dẫn tới một số chỉ tiêu đạt chuẩn, duy trì đạt chuẩn PCGD, XMC của các cấp học chưa cao và chưa thực sự bền vững.

Các tiêu chí đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và số người biết chữ trong độ tuổi 36-60 ở một số xã vùng đặc biệt khó khăn đã đạt theo kế hoạch, nhưng tiêu chí đạt chuẩn còn ở mức tối thiểu, thiếu tính bền vững; tỉ lệ học sinh đi học không chuyên cần ở một số thời điểm trong năm còn cao.

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển về quy mô và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới giáo dục mầm non; một số trường chưa đủ các hạng mục phụ trợ, phòng ở cho giáo viên và học sinh nội trú. Chất lượng giáo dục học sinh ở một số trường vùng cao đã có sự chuyển biến nhưng còn chậm.

Năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC, viên chức quản lý của một số cơ sở giáo dục vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn còn hạn chế.

b) Nguyên nhân

Địa bàn của huyện rộng, giao thông đi lại khó khăn; dân cư sống phân tán, xa trung tâm xã, xa trường học, trình độ dân trí không đồng đều, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, đời sống nhân dân các dân tộc còn ở mức thấp; hiện tượng tảo hôn, di cư tự do, tuyên truyền đạo trái pháp luật; bỏ học đi lao động ở ngoài tỉnh ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động học sinh đi học, duy trì số lượng học sinh và chất lượng giáo dục.

Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCGD, XMC chưa đầy đủ dẫn đến chỉ đạo còn thiếu cụ thể, chưa sát với tình hình thực tế của địa

phương. Sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể xã trong quản lý giáo dục chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ.

Đối tượng PCGD THCS mức độ 3 sau khi hoàn thành chương trình THCS không vào học THPT hoặc học chương trình GDTX cấp THPT mà đi lao động tự do tại các tỉnh ngoài nhiều dẫn đến khó khăn trong việc huy động ra học chương trình GDTX cấp THPT và giáo dục nghề nghiệp. Ở khu vực vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, việc huy động người mù chữ ra lớp và duy trì sĩ số học viên gặp khó khăn do người học là nhân lực lao động chính trong gia đình, số lượng người học trong các bản ít và khoảng cách giữa các bản xa nhau; thời gian học phụ thuộc vào mùa vụ, thời tiết và một số phong tục, tập quán của người dân; một bộ phận học viên sau khi hoàn thành chương trình xóa mù chữ do ít sử dụng nên đã tái mù chữ trở lại.

Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo còn thấp, chủ yếu mới chi đủ trả lương và các khoản chi cho con người; kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu; chưa huy động được kinh phí từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng cho công tác xóa mù chữ.

4. Bài học kinh nghiệm

Sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các ban ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp. Việc lãnh đạo, chỉ đạo phải bám sát tình hình thực tế tại địa phương tăng cường kiểm tra tư vấn, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện. Toàn bộ hệ thống chính trị theo chức năng nhiệm vụ cùng tham gia đồng bộ, tích cực vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục. Cụ thể hóa các mục tiêu, đưa nội dung PCGD, XMC vào kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

Phòng GD&ĐT phát huy vai trò cơ quan thường trực, chủ động, tích cực tham mưu với Huyện ủy, HĐND-UBND huyện trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch. Xây dựng hệ thống các giải pháp để huy động, duy trì số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục rà soát, mở và duy trì các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, bổ túc văn hóa cho đối tượng không có điều kiện học phổ thông. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý. Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách của nhà nước hỗ trợ cho giáo viên và học sinh.

Tăng cường, ưu tiên đầu tư cho giáo dục từ nguồn ngân sách của huyện và kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong công tác xã hội hóa giáo dục.

B. NỘI DUNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. Mục tiêu chung

1. Phát triển quy mô trường, lớp đáp ứng đủ nhu cầu học tập của nhân dân; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và đổi mới giáo dục và đào tạo.

2. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị đối với sự nghiệp giáo dục; tập trung tuyên truyền, vận động tối đa đối tượng trong các độ tuổi phải phổ cập đến trường ra lớp. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định.

3. Giai đoạn 2021-2025: Duy trì nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; duy trì và nâng cao các tiêu chí PCGD THCS mức độ 2, thực hiện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 vào năm 2024, duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn XMC mức độ 2.

4. Giai đoạn 2026-2030: Duy trì nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hướng tới thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ dưới 5 tuổi; duy trì nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; duy trì và nâng cao các tiêu chí PCGD THCS mức độ 3; duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn XMC mức độ 2.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; 100% các xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em năm tuổi; huyện duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em năm tuổi. Thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em dưới năm tuổi.

Đảm bảo đủ giáo viên, hàng năm nâng dần tỷ lệ giáo viên/lớp; 100% giáo viên dạy các lớp 5 tuổi đạt chuẩn trở lên về trình độ đào tạo và đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; 100% giáo viên được hưởng đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định.

Phòng học kiên cố dành cho các lớp 5 tuổi đạt 100%. 100% lớp 5 tuổi đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu; 100% các điểm trường có lớp 5 tuổi đảm bảo các điều kiện về nước sinh hoạt, công trình vệ sinh, sân chơi có thiết bị và đồ chơi ngoài trời. Nâng cấp, bổ sung các phòng chức năng nhằm đảm bảo các điều kiện thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non. (*Phụ lục 1 và Phụ lục 5*)

2. Phổ cập Giáo dục tiểu học

Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,3% trở lên; duy trì và nâng cao tỉ lệ học sinh đi học chuyên cần.

Năm 2025, 100% các xã, thị trấn duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, huyện duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. Từ năm 2026 trở đi, 100% các xã, thị trấn duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, huyện duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. **(Phụ lục 2 và phụ lục 5)**

Đảm bảo các điều kiện về viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên và về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng để nâng chuẩn đội ngũ giáo viên; hàng năm bổ sung giáo viên ngoại ngữ, tin học.

3. Phổ cập Giáo dục trung học cơ sở

Đảm bảo các điều kiện về viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Huy động dân số 11 tuổi vào lớp 6 tăng từ 99,2% năm 2021 lên 99,4% năm 2025 và năm 2030 là 99,5%; tỷ lệ dân số 11-14 tuổi học THCS tăng từ 98,4% năm 2021 lên 98,6% vào năm 2025 và năm 2030 là 99%.

Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS từ 96,2 năm 2021 lên 96,6% vào năm 2025 và đến năm 2030 là 96,6%.

Tỷ lệ huy động dân số 15 tuổi vào học lớp 10 tăng từ 80,2% năm 2021 lên 85,1% năm 2025 và đến năm 2030 là 86,7%; tỷ lệ dân số 15-18 tuổi học THPT và tương đương tăng từ 73,2% năm 2021 lên 76,8% năm 2025 và đến năm 2030 là 77,8%.

Năm 2025, 100% các xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3; huyện duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3. Từ năm 2026 trở đi, 100% các xã, thị trấn duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3; huyện duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3. **(Phụ lục 3 và phụ lục 5)**

4. Xóa mù chữ

Đến năm 2025: 99,0% người trong độ tuổi từ 15-35, 95,5% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; 95,8% người trong độ tuổi từ 15-35, 79,9% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2. Huyện duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Đến năm 2030: 99,2% người trong độ tuổi từ 15-35, 96,5% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; 96,0% người trong độ tuổi từ 15-35, 80,1% người trong độ tuổi từ 15-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2. Huyện duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. **(Phụ lục 4 và phụ lục 5)**

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Công tác truyền thông

Chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân cùng đồng lòng, chung sức trong việc thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC.

Đẩy mạnh, đa dạng hóa các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cộng đồng và gia đình về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của công tác PCGD, XMC và xây dựng xã hội học tập trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ, làm cơ sở vững chắc góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, xác định nhiệm vụ PCGD, XMC là trách nhiệm của toàn xã hội, là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người dân.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Phòng GD&ĐT là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo phổ cập cấp huyện tham mưu xây dựng Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và Ban chỉ đạo các cấp đối với công tác PCGD, XMC.

Tiếp tục tổ chức tốt việc quán triệt, thực hiện hệ thống văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác PCGD, XMC.

Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ viên chức quản lý cấp trường để từng bước đáp ứng được các tiêu chuẩn của viên chức quản lý trường chuẩn, 100% viên chức quản lý tại các trường được đào tạo, bồi dưỡng các lớp trung cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và nghiệp vụ quản lý trường học.

Tiếp tục chỉ đạo tốt việc tổ chức tập huấn về nghiệp vụ làm hồ sơ cho các viên chức quản lý, giáo viên làm công tác PCGD, XMC.

Ban chỉ đạo các cấp tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát hoàn thiện bộ hồ sơ PCGD, XMC theo các năm đảm bảo theo quy định, kịp thời tư vấn hỗ trợ về nghiệp vụ kỹ thuật cho các đơn vị, đồng thời có sự phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch PCGD, XMC.

3. Công tác huy động đối tượng trong các độ tuổi ra lớp và duy trì sĩ số; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục học sinh

Cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân cho trẻ trong các độ tuổi phải phổ cập ra lớp, đi học chuyên cần, giảm tình trạng bỏ học giữa chừng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập; tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, cho học viên học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các lớp học nghề truyền thống, nghề ngắn hạn cho những người mới biết chữ.

Ngành giáo dục tập trung chỉ đạo đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục; tiếp tục củng cố kỷ cương, nề nếp trường học. Đối với giáo dục phổ thông tăng cường thực hiện

đổi mới phương pháp dạy, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Giáo dục mầm non tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn sâu của cấp học, góp phần từng bước nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1, tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy đối với lớp ghép. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin các hoạt động dạy học và quản lý.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục làm tốt công tác điều tra, cập nhật thông tin, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số, nâng tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần; đa dạng hóa các hình thức học tập, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chú trọng các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học của học sinh. Tăng cường, duy trì tốt việc học hai buổi trên ngày, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh có học lực yếu kém; thực hiện hiệu quả công tác hướng nghiệp phân luồng học sinh sau THCS, định hướng nghề nghiệp ở THPT. Tổ chức các lớp học XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ phù hợp với các nhóm đối tượng.

Nâng cao chất lượng tổ chức bán trú, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, học sinh phổ thông. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho học sinh theo quy định. Phòng GD&ĐT phối hợp tốt với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể liên quan trong việc khám sức khỏe định kỳ cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông như tiêm chủng, phòng bệnh, phòng chống tai nạn thương tích

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý giáo dục

Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý bảo đảm chất lượng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; khuyến khích đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng cao trình độ đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học và THCS đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019. Tiếp tục bổ sung giáo viên, viên chức quản lý các cấp học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục, đặc biệt là giáo viên cấp học mầm non.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đánh giá viên chức quản lý, giáo viên theo chuẩn; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý giáo dục theo từng cấp học. Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và viên chức quản lý giáo dục theo quy định.

5. Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất; bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

Tăng cường các nguồn vốn đầu tư, xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi đáp ứng yêu cầu phát triển về quy mô và đổi mới

chương trình giáo dục phổ thông cho các cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại đảm bảo đúng các quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, đặc biệt là các trường bán trú. Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có.

6. Công tác xã hội hoá giáo dục

Tăng cường triển khai, tổ chức thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện về đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; tạo môi trường thuận lợi cho công tác xã hội hóa giáo dục.

Đa dạng hóa hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức để huy động sự tham gia của toàn xã hội vào xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục và PCGD, XMC; đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; gắn công tác xã hội hóa giáo dục với việc xây dựng bản làng văn hóa; tích cực tìm kiếm các nguồn lực, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm hỗ trợ đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy Đảng, HĐND - UBND đối với các cơ quan, đơn vị quản lý giáo dục, Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp theo qui định. Tập trung tư vấn đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xử lý nghiêm, đúng qui định với các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và dự toán chi thường xuyên hàng năm.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, nhiệm vụ được giao các các cơ quan, đơn vị lập dự toán thực hiện hàng năm và tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của cơ quan, đơn vị trình UBND huyện phê duyệt theo quy định hiện hành.

Dự ước kinh phí đảm bảo một số điều kiện thực hiện PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. (*Phụ lục 1,2,3*)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện, cấp xã

Tham mưu cho UBND các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 để chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn.

Chỉ đạo xây dựng thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ chơi phục vụ việc triển khai các chương trình giáo dục. Có chính sách ưu đãi nhằm phát triển giáo dục trên địa bàn, đảm bảo bố trí đủ ngân sách chi cho giáo dục theo đúng quy định hiện hành.

Chỉ đạo việc áp dụng thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức quản lý, giáo viên trên địa bàn theo đúng quy định hiện hành.

Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 tại các xã, thị trấn.

Tổ chức tự kiểm tra, đánh giá, theo dõi tiến trình thực hiện kế hoạch PCGD, XMC tại cơ sở.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm quản lý và tham mưu cho UBND huyện ra quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện.

Tham mưu cho UBND huyện về kế hoạch, các giải pháp thực hiện công tác PCGD, XMC giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; đề nghị UBND tỉnh, Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên kiểm tra công nhận huyện đạt chuẩn PCGD, XMC hàng năm theo đúng quy định.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện công tác PCGD, XMC và có các giải pháp duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn phổ cập đã đạt được theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

Phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu UBND huyện công tác tuyển dụng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị dạy học cho các trường học đảm bảo yêu cầu giáo dục hàng năm.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho viên chức quản lý, giáo viên về nội dung, quy trình, thủ tục công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC. Trực tiếp chỉ đạo điều tra và cập nhật dữ liệu vào phần mềm PCGD, XMC đúng tiến độ, đảm bảo tính chính xác.

Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm báo cáo UBND huyện, Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu bố trí ngân sách chi thường xuyên cho công tác PCGD, XMC; đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho Phòng GD&ĐT.

Phối hợp với các phòng, ban chức năng tham mưu cho UBND huyện trong việc bố trí vốn chương trình mục tiêu giáo dục, trong đó ưu tiên chương trình trọng điểm xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục để đảm bảo các mục tiêu, tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia, kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu cho UBND huyện trong việc quy hoạch đất, đề xuất nhu cầu sử dụng đất hằng năm, giai đoạn để xây dựng trường học, đảm bảo quỹ đất để xây dựng trường lớp học đảm bảo diện tích cho trẻ hoạt động theo đúng Điều lệ trường học.

5. Phòng Nội vụ

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện xây dựng kế hoạch biên chế và thực hiện việc giao chỉ tiêu biên chế hàng năm cho ngành giáo dục đảm bảo đủ biên chế theo quy định.

6. Trung tâm Y tế huyện

Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em.

Phối hợp với Phòng GD&ĐT tạo thực hiện việc phổ biến kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng.

7. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo....và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và học sinh.

8. Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm VH-TT-TH huyện

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền Kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021- 2025 định hướng đến năm 2030, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và nhân dân góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể

Phối hợp với Phòng GD&ĐT tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về vai trò, mục đích của công tác PCGD, XMC trong việc đào tạo nguồn nhân lực nâng cao trình độ dân trí phục vụ cho mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện. Vận động các cán bộ, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện nghiêm túc công tác PCGD, XMC của huyện.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả công tác PCGD, XMC của đơn vị phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, có tính khả thi để đạt mục tiêu và đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

Chỉ đạo Ban chỉ đạo PCGD, XMC của xã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập trên địa bàn. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về vai trò tầm quan trọng của công tác PCGD, XMC; vận động các đối tượng học sinh trong độ tuổi đến trường, huy động các đối tượng mù chữ, biết chữ mức độ 1 ra lớp để đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch PCGD, XMC hàng năm.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC và báo cáo về UBND huyện theo quy định.

11. Các cơ quan, đơn vị

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Phòng GD&ĐT huyện tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là kế hoạch PCGD, XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của UBND huyện Tuần Giáo. Yêu cầu các cơ quan, ban ngành đoàn thể liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện (b/c);
- Ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, hồ sơ PC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ

TỶ LỆ HUY ĐỘNG TRẺ EM VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch từng năm					Định hướng 2030
			2021	2022	2023	2024	2025	
Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đi học	%	51,48	51,6	52,5	53,5	54,5	55,0	55,5
Tỉ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp	%	100	100	100	100	100	100	100
Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	100	100	100	100	100	100	100
Tỉ lệ trẻ 5 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình GDMN	%	100	100	100	100	100	100	100
Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi khuyết tật được học hòa nhập	%	82,14	80	80	80	80	80	80
Tổng số lớp mẫu giáo 5 tuổi	lớp	119	120	122	117	115	116	118
Tổng số phòng học kiên cố của các lớp mẫu giáo 5 tuổi	phòng	89	109	111	111	113	113	118
Tỉ lệ lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu	%	100	100	100	100	100	100	100
Dự ước kinh phí mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	Tr đồng	12000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Tổng số giáo viên dạy lớp 5 tuổi	người	186	193	196	196	196	199	236
Tỉ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi/lớp MG 5 tuổi	gv/lớp	1,56	1,61	1,61	1,68	1,70	1,72	2,00
Tỉ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo	%	100	100	100	100	100	100	100
Tỉ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN	%	100	100	100	100	100	100	100
Số phòng học kiên cố cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi xây mới	Phòng	4	0	8	0	8	0	12
Dự ước kinh phí xây mới phòng học kiên cố	Tr đồng	1800	0	3600	0	3600	0	5400
Số phòng phục vụ học tập kiên cố xây mới	Phòng	2	0	5	3	2	0	0
Dự ước kinh phí xây mới các phòng phục vụ học tập	Tr đồng	900	0	2250	1350	900	0	0

Số điểm trường (trung tâm, điểm lẻ) có sân chơi đảm bảo diện tích và ít nhất 5 loại đồ chơi ngoài trời	Điểm trg	108	108	108	108	108	108	108
Số điểm trường (trung tâm, điểm lẻ) có đủ nước sinh hoạt	Điểm trg	108	108	108	108	108	108	108
Số điểm trường (trung tâm, điểm lẻ) có đủ nhà vệ sinh đạt chuẩn cho trẻ em	Điểm trg	108	108	108	108	108	108	108
Số nhà vệ sinh kiên cố xây mới	nhà	9	0	6	5	4	4	8
Dự ước kinh phí xây mới nhà vệ sinh	Tr đồng	1800	0	1200	1000	800	800	1600

**TỶ LỆ HUY ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch từng năm					Định hướng 2030
			2021	2022	2023	2024	2025	
Tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100	100	100
Tỉ lệ huy động trẻ 6-10 tuổi học tiểu học	%	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9
Tỉ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	%	99,38	99,38	99,39	99,39	99,4	99,4	99,5
Tỉ lệ huy động đối tượng trong tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục	%	98,9	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0
Số xã đạt chuẩn PCGD TH mức độ 2	Xã	19	19	19	19	19	19	19
Số xã đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3	Xã	19	19	19	19	19	19	19
Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo	%	65,4	67	75	82	86	90	100
Tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu	%	100	100	100	100	100	100	100
Số thiết bị dạy học tối thiểu cần bổ sung	Bộ	22	20	23	25	27	26	130
Dự ước kinh phí mua thiết bị dạy học tối thiểu	Tr đồng	7700	7000	8050	8750	9450	9100	45500
Tỉ lệ phòng học kiên cố	%	82,5	82,5	82,9	87,0	89,4	90,2	100
Số phòng học kiên cố xây dựng mới	Phòng	0	0	12	18	18	13	48
Dự ước kinh phí xây mới	Tr đồng	0	0	5400	8100	8100	5850	21600
Số phòng bộ môn, phòng chức năng kiên cố xây dựng mới	Phòng	0	0	5	5	6	6	6
Dự ước kinh phí xây mới	Tr đồng	0	0	3000	3000	3600	3600	3600
Số nhà vệ sinh kiên cố xây mới	Nhà	0	0	12	8	8	8	20
Dự ước kinh phí xây mới nhà vệ sinh	Tr đồng	0	0	2400	1600	1600	1600	4000

**TỶ LỆ HUY ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch từng năm					Định hướng 2030
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Tỉ lệ huy động trẻ 11 tuổi vào lớp 6	%	97,4	97,5	97,6	97,6	97,7	97,8	97,9
2	Tỉ lệ huy động trẻ 11-14 tuổi học THCS	%	97,4	97,4	97,5	97,5	97,6	97,7	98,0
3	Tỉ lệ trẻ 15-18 tuổi TN THCS	%	96,2	96,2	96,2	96,3	96,3	96,4	96,5
4	Tỉ lệ huy động đối tượng trong tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục	%	86,7	86,7	86,8	87,1	87,2	87,3	87,5
5	Tỉ lệ huy động trẻ 15 tuổi vào lớp 10	%	79,2	79,5	79,6	79,6	79,7	79,8	80,3
6	Tỉ lệ huy động trẻ 15-18 tuổi học THPT và tương đương	%	72,7	72,7	72,7	72,8	72,8	72,8	73,0
7	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2	Xã	19	19	19	19	19	19	19
8	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3	Xã	17	17	18	18	19	19	19
9	Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo	%	100	100	100	100	100	100	100
10	Tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu	%	100	100	100	100	100	100	100
11	Số thiết bị dạy học tối thiểu cần bổ sung	Bộ	40	46	46	46	46	5	50
	Dự ước kinh phí mua thiết bị dạy học tối thiểu	Tr đồng	11200	12000	12000	12000	12000	3000	13000
12	Tỉ lệ phòng học kiên cố	%	93,1	93,1	93,1	94,1	94,1	94,4	100
13	Số phòng học kiên cố xây dựng mới	Phòng	12	0	0	26	0	8	56
	Dự ước kinh phí xây mới	Tr đồng	5400	0	0	11700	0	3600	25200
14	Số phòng bộ môn, phòng chức năng kiên cố xây dựng mới	Phòng	5	0	0	8	0	2	48
	Dự ước kinh phí xây mới	Tr đồng	3000	0	0	4800	0	1200	28800

**TỶ LỆ HUY ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch từng năm					Định hướng 2030
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-25 biết chữ mức độ 1	%	99,7	99,7	99,7	99,8	99,8	99,8	99,9
2	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 1	%	98,8	98,8	98,9	98,9	99,0	99,0	99,2
3	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-60 biết chữ mức độ 1	%	95,0	95,0	95,1	95,2	95,3	95,5	96,5
4	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-25 biết chữ mức độ 2	%	99,3	99,4	99,4	99,5	99,5	99,6	99,8
5	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 2	%	95,5	95,5	95,6	95,7	95,7	95,8	96,0
6	Tỉ lệ dân số trong độ tuổi 15-60 biết chữ mức độ 2	%	79,7	79,7	79,8	79,8	79,9	79,9	80,1
7	Số xã đạt chuẩn XMC mức độ 2	Xã	19	19	19	19	19	19	19

**DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN PCGD, XMC GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

Phụ lục 5

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2021 của UBND huyện Tuần Giáo)

TT	Đơn vị	Các xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi						Các xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3						Các xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3						Các xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2					
		2021	2022	2023	2024	2025	2030	2021	2022	2023	2024	2025	2030	2021	2022	2023	2024	2025	2030	2021	2022	2023	2024	2025	2030
I	Huyện Tuần Giáo	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	17	18	18	19	19	19	19	19	19	19	19	19
1	Thị Trấn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phình Sáng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Ta Ma	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Toà Tình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Tênh Phong	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Quài Nưa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Quài Tở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Quài Cang	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Chiềng Sinh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Pú Nhung	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11	Mường Thín	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Nà Sáy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	Mùn Chung	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14	Mường Mùn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
15	Nà Tông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	Pú Xi	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	Rạng Đông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18	Chiềng Đông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	Mường Khong	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x